



## SAO KÊ TÀI KHOẢN STATEMENT OF ACCOUNT

Chủ tài khoản/ Account name: QUY HAT GIONG Ngày thực hiện/ Date: 03/01/2024  
Số tài khoản/ Account number: 1032240615 Kênh giao dịch/ VCB DigiBiz  
Loại tài khoản/ Type of account: Tài khoản thanh toán Số lượng đồng chủ sở hữu tài khoản (nếu có)/  
Number of Joint account: 1  
Địa chỉ/ Address: 65/16 KENH TAN HOA, P. TAN THOI HOA, Q. TÂN PHÚ, TP HCM  
Mã số thuế/Đăng ký kinh doanh/  
Tax Identification No./Business  
Registration No:  
CIF: 25667492  
Loại tiền/ Currency: VND  
Từ/ From: 01/12/2023 Đến/ To: 31/12/2023  
Số dư đầu kỳ/ Opening balance: 128,254,856 VND  
(Bằng chữ/ Inwords: ....) Một trăm hai mươi tám triệu hai trăm năm mươi tư nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng

STT No.	Ngày <sup>1</sup> / TNX Date/ Số CT/ Doc No	Ngày hiệu lực <sup>2</sup> / Effective date	Số tiền ghi nợ/ Debit	Số tiền ghi có/ Credit	Số dư/ Balance	Nội dung chi tiết/ Transactions in detail
1	04/12/2023 / 5139 - 20731	04/12/2023	1,130,000		127,124,856	IBBIZ6008520731.IBPS.CFHT tháng 11/2023-Tran Minh Tien (BT)
2	04/12/2023 / 5139 - 20732	04/12/2023	1,394,000		125,730,856	IBBIZ6008520732.IBPS.CFHT tháng 11/2023-Phan Tan Thanh (TD)
3	04/12/2023 / 5139 - 20733	04/12/2023	587,000		125,143,856	IBBIZ6008520733.IBPS.CFHT tháng 11/2023-Phan Thi Kim Ngan (TD)
4	04/12/2023 / 5139 - 20734	04/12/2023	1,087,000		124,056,856	IBBIZ6008520734.IBPS.CFHT tháng 12/2023-Tran Van Phuc (BT)
5	04/12/2023 / 5139 - 20735	04/12/2023	181,000		123,875,856	IBBIZ6008520735.IBPS.CFHT tháng 12/2023-Hua Ngoc Hoa (BD)

6	04/12/2023 / 5139 - 20736	04/12/2023	138,000		123,737,856	IBBIZ6008520736.IBPS.CFHT thang 12/2023- Hua Ngoc Huyen (BD)
7	04/12/2023 / 5139 - 20737	04/12/2023	243,000		123,494,856	IBBIZ6008520737.IBPS.CFHT thang 12/2023- Tran Si Phu (BD)
8	04/12/2023 / 5139 - 20738	04/12/2023	2,532,400		120,962,456	IBBIZ6008520738.IBPS.CFHT HK1- Luong Kien Hao (BT)
9	04/12/2023 / 5139 - 20726	04/12/2023	1,285,900		119,676,556	IBBIZ6008520726.IBPS.CFHT thang 11/2023- Tran Thanh Ly (TD)
10	04/12/2023 / 5139 - 20727	04/12/2023	616,500		119,060,056	IBBIZ6008520727.IBPS.CFHT thang 11/2023- Kim Pham Thu Ngan (GV)
11	04/12/2023 / 5139 - 20728	04/12/2023	1,264,400		117,795,656	IBBIZ6008520728.IBPS.CFHT HK1- Huynh My Phuong (BT)
12	04/12/2023 / 5139 - 20729	04/12/2023	584,000		117,211,656	IBBIZ6008520729.IBPS.CFHT thang 11/2023- Trinh Tran Trung Toan (BT)
13	04/12/2023 / 5136 - 20730	04/12/2023	221,000		116,990,656	IBBIZ6008520730.CFHT thang 12/2023- Nguyen Thanh Tan (BD)
14	11/12/2023 / 5136 - 17626	11/12/2023	310,000		116,680,656	IBBIZ6008717626.CFHT thang 12/2023- Le Ngoc Phuong Dung (BT)
15	11/12/2023 / 5136 - 17627	11/12/2023	310,000		116,370,656	IBBIZ6008717627.CFHT thang 12/2023- Le Quoc Minh (BT)
16	11/12/2023 / 5136 - 17628	11/12/2023	940,000		115,430,656	IBBIZ6008717628.CFHT thang 12/2023- Le Minh Hoang Long
17	11/12/2023 / 5139 - 17629	11/12/2023	589,000		114,841,656	IBBIZ6008717629.IBPS.CFHT thang 12/2023- Vo Thuy Phuong Anh (GV)
18	11/12/2023 / 5139 - 17630	11/12/2023	749,000		114,092,656	IBBIZ6008717630.IBPS.CFHT HK1- Nguyen Tan Quy (BT)
19	11/12/2023 / 5139 - 17631	11/12/2023	459,000		113,633,656	IBBIZ6008717631.IBPS.CFHT thang 12/2023- Tran Gia Han (GV)
20	11/12/2023 / 5136 - 17632	11/12/2023	100,000		113,533,656	IBBIZ6008717632.CFHT thang 12/2023- Nguyen Tan Phat (BT)
21	11/12/2023 / 5139 - 17633	11/12/2023	1,104,000		112,429,656	IBBIZ6008717633.IBPS.CFHT thang 12/2023- Tang Minh Trong (TD)

22	11/12/2023 / 5136 - 17634	11/12/2023	125,000		112,304,656	IBBIZ6008717634.CFHT thang 12/2023- Do Phuong Phuong (TD)
23	11/12/2023 / 5136 - 17635	11/12/2023	125,000		112,179,656	IBBIZ6008717635.CFHT thang 12/2023- Do Doanh Doanh (TD)
24	11/12/2023 / 5139 - 17636	11/12/2023	8,483,000		103,696,656	IBBIZ6008717636.IBPS.BHYT, BHTN, CFHT 8 con cua Mai am Tu Hanh
25	11/12/2023 / 5139 - 17607	11/12/2023	719,500		102,977,156	IBBIZ6008717607.IBPS.CFHT thang 12/2023- Nguyen Ngoc Tuyet Nhi (TD)
26	11/12/2023 / 5139 - 17608	11/12/2023	685,000		102,292,156	IBBIZ6008717608.IBPS.CFHT thang 11/2023- Tran Hoang Thinh (GV)
27	11/12/2023 / 5136 - 17609	11/12/2023	1,900,900		100,391,256	IBBIZ6008717609.CFHT HK1- Nguyen Tran Cao Phong (BT)
28	11/12/2023 / 5139 - 17610	11/12/2023	313,000		100,078,256	IBBIZ6008717610.IBPS.CFHT thang 12/2023- Nguyen Thi Chuc Dao (BD)
29	11/12/2023 / 5139 - 17611	11/12/2023	320,600		99,757,656	IBBIZ6008717611.IBPS.CFHT thang 12/2023- Nguyen Thi Minh Thu (BD)
30	11/12/2023 / 5136 - 17613	11/12/2023	1,480,000		98,277,656	IBBIZ6008717613.CFHT HK1- Nguyen Van Trung (BT)
31	11/12/2023 / 5136 - 17614	11/12/2023	1,049,500		97,228,156	IBBIZ6008717614.CFHT thang 12/2023- Truong Hoang Bao Nhi (BT)
32	11/12/2023 / 5139 - 17615	11/12/2023	461,000		96,767,156	IBBIZ6008717615.IBPS.CFHT thang 12/2023- Nguyen Hong Thai Bao (TD)
33	11/12/2023 / 5139 - 17616	11/12/2023	555,000		96,212,156	IBBIZ6008717616.IBPS.CFHT thang 12/2023- Nguyen Hoang Phuc (Q.12)
34	11/12/2023 / 5139 - 17617	11/12/2023	684,000		95,528,156	IBBIZ6008717617.IBPS.STT 26- Nguyen Thi Hoang Nhu Xuan- SSCID: 1202069823001029
35	11/12/2023 / 5139 - 17618	11/12/2023	601,000		94,927,156	IBBIZ6008717618.IBPS.CFHT thang 12/2023- Trinh Tran Trung Toan (BT)
36	11/12/2023 / 5139 - 17619	11/12/2023	582,000		94,345,156	IBBIZ6008717619.IBPS.CFHT thang 12/2023- Vu My Le (BD)
37	11/12/2023 / 5139 - 17620	11/12/2023	746,500		93,598,656	IBBIZ6008717620.IBPS.STT 7- Bui Kha Han- SSCID 1202069823001468

38	11/12/2023 / 5139 - 17621	11/12/2023	746,500		92,852,156	IBBIZ6008717621.IBPS.STT:16- Mai Trong Nhan-SSCID 1202069823001477
39	11/12/2023 / 5139 - 17622	11/12/2023	746,500		92,105,656	IBBIZ6008717622.IBPS.STT16- Nguyen Thi Hoang Nhu Ngoc- SSCID 1201069823001291
40	11/12/2023 / 5139 - 17623	11/12/2023	82,000		92,023,656	IBBIZ6008717623.IBPS.CFHT thang 12/2023- Giap Nguyen Thao My (GV)
41	11/12/2023 / 5139 - 17624	11/12/2023	1,182,800		90,840,856	IBBIZ6008717624.IBPS.GB1223000084 Nguyen Bao Nhi lop610
42	11/12/2023 / 5139 - 17625	11/12/2023	970,800		89,870,056	IBBIZ6008717625.IBPS.GB1023000729 Nguyen Thi Bao Yen lop710
43	19/12/2023 / 5139 - 00343	19/12/2023	1,650,500		88,219,556	IBBIZ6008900343.IBPS.CFHT thang 12/2023- Nguyen Trinh Tuyet (GV)
44	19/12/2023 / 5136 - 00344	19/12/2023	624,000		87,595,556	IBBIZ6008900344.CFHT thang 12/2023- Huynh Thinh (TD)
45	19/12/2023 / 5136 - 00345	19/12/2023	412,000		87,183,556	IBBIZ6008900345.CFHT thang 12/2023- Hoang Ky Nam (TD)
46	19/12/2023 / 5139 - 00346	19/12/2023	975,000		86,208,556	IBBIZ6008900346.IBPS.CFHT thang 12/2023- Nguyen Anh Tam Nhi (TB)
47	19/12/2023 / 5139 - 00347	19/12/2023	605,500		85,603,056	IBBIZ6008900347.IBPS.CFHT thang 12/2023- Tran Thanh Ly (TD)
48	19/12/2023 / 5139 - 00348	19/12/2023	516,000		85,087,056	IBBIZ6008900348.IBPS.CFHT thang 12/2023- Huynh Vu Phi (TD)
49	19/12/2023 / 5139 - 00349	19/12/2023	245,000		84,842,056	IBBIZ6008900349.IBPS.CFHT thang 12/2023- Tran Thanh Bac (TD)
50	19/12/2023 / 5139 - 00350	19/12/2023	482,000		84,360,056	IBBIZ6008900350.IBPS.CFHT thang 12/2023- Nguyen Tan Linh (BT)
51	19/12/2023 / 5139 - 00351	19/12/2023	1,822,000		82,538,056	IBBIZ6008900351.IBPS.CFHT dau nam- Ho Bao Nhi (BT)
52	19/12/2023 / 5139 - 00352	19/12/2023	1,002,000		81,536,056	IBBIZ6008900352.IBPS.CFHT thang 12/2023- Nguyen Minh Hai (GV)
53	19/12/2023 / 5139 - 00353	19/12/2023	764,000		80,772,056	IBBIZ6008900353.IBPS.CFHT thang 12/2023- Le Ngoc Thao Nguyen (TD)

54	19/12/2023 / 5139 - 00354	19/12/2023	287,000		80,485,056	IBBIZ6008900354.IBPS.CFHT thang 12/2023- Tran Thi Thanh Xuan (BT)
55	19/12/2023 / 5139 - 00355	19/12/2023	565,000		79,920,056	IBBIZ6008900355.IBPS.CFHT thang 12/2023- Tran Hoang Thinh (GV)
56	19/12/2023 / 5139 - 00356	19/12/2023	2,537,400		77,382,656	IBBIZ6008900356.IBPS.CFHT thang 12/2023- Le Thi Cam My (BT)
57	25/12/2023 / 5136 - 86717	25/12/2023	750,000		76,632,656	IBBIZ6009086717.CFHT thang 12/2023- Vo Truong Tuong Vi (BT)
58	25/12/2023 / 5139 - 86714	25/12/2023	2,389,240		74,243,416	IBBIZ6009086714.IBPS.CFHT dau nam- Ho Bao Nhi (BT)
59	25/12/2023 / 5139 - 86715	25/12/2023	1,371,000		72,872,416	IBBIZ6009086715.IBPS.CFHT thang 12/2023- Phung Gia Loc (BT)
60	25/12/2023 / 5139 - 86716	25/12/2023	652,000		72,220,416	IBBIZ6009086716.IBPS.CFHT thang 12/2023- Tran Ngoc Huong (BT)
61	31/12/2023 / 9701 - 1032240615	31/12/2023		18,659	72,239,075	INTEREST PAYMENT

**Tổng số/ Total:** -56,015,781 VND

**Số dư cuối kỳ/ Closing balance:** 72,239,075 VND

(Bằng chữ/ Inwords: ....) Bảy mươi hai triệu hai trăm ba mươi chín nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng

Ngày<sup>1</sup>: Là ngày khách hàng thực hiện giao dịch

Ngày hiệu lực<sup>2</sup>: Là ngày giao dịch được ghi nhận trên hệ thống công nghệ của Vietcombank

*Trân trọng cảm ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ Vietcombank!  
Thank you for using Vietcombank's services!*

**VIETCOMBANK – Chung niềm tin vững tương lai**  
**VIETCOMBANK – Together for the future**

\*\*\*\*\*

**Ghi chú:** Giấy Xác nhận này của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đảm bảo thông tin chính xác tại thời điểm xác nhận theo nội dung yêu cầu của Khách hàng. Văn bản Xác

**nhận này không cấu thành bất kỳ cam đoan hay bảo đảm nào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm hiện tại hay tương lai đối với các nghĩa vụ của Khách hàng xác lập với bên thứ ba./.**

***Note** : This letter of confirmation of the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam ensures accurate information at the time of confirmation as requested by the customer. This acknowledgment does not constitute any current or future guarantees of the customer's obligations confirmed to third parties./.*